

**Bản án số:128/2018/HS-ST
Ngày 20 - 9 -2018**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Tập
2. Bà Phạm Thị Dung

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí - tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 121/2018/TLST- HS ngày 06 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 121/2018/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/HS- QĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Thị Kim D** (tên gọi khác: không); sinh ngày: 26 tháng 3 năm 1981 tại C, Quảng Ninh; giới tính: nữ; nơi ĐKNKTT: Tổ 8, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; con ông Nguyễn Quang S và bà Đặng Thị V; có chồng là Nguyễn Văn H và có hai con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: chưa có; bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và bị bắt ngày 27/5/2018 tạm giữ đến ngày 31/5/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Đặt tiền để bảo đảm”; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 1, khu Đ2, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Hữu H2, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn Tr, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

- *Người chứng kiến:* Anh Nguyễn Thanh S1, sinh năm 1961. Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, phường Tr, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2017, bị cáo Nguyễn Thị Kim D bắt đầu kinh doanh, bán buôn rượu, bia, thuốc lá cho một số đại lý để lấy tiền chênh lệch. Ngày 24/5/2018, D đến thành phố M tìm mua thuốc lá về để bán cho các đại lý kiếm lời. Tại đây, D gặp một người làm nghề xe ôm (không rõ lai lịch địa chỉ) và nhờ người này đưa đến gặp người bán thuốc lá và rượu, thì người này chở D đến cửa hàng của một người phụ nữ tên là T (D không quen biết người này, mới gặp lần đầu). D đã mua của T 184 cây thuốc lá ngoại các loại bằng 1.840 bao thuốc lá và 120 chai rượu nhãn hiệu Black với tổng số tiền là 42.000.000^d (bốn mươi hai triệu đồng). Sau đó, một người phụ nữ tên T đóng gói hàng rồi gửi xe ô tô khách cho D. D về nhà mình ở C thì nhận được số hàng trên. Ngày 26/5/2018, D dùng xe ô tô tải BKS 14C- 185.02 thuê của chị Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1975; trú tại phường C, thành phố C, Quảng Ninh), chở số hàng trên đem đi chào hàng với một số đại lý trên địa bàn thành phố U, nêu các chủ đại lý này đồng ý mua thì D sẽ bán số thuốc lá và rượu trên để lấy chênh lệch. Trước khi đi, D có hẹn sẽ đón bạn tên Nguyễn Hữu H2 (là bạn học phổ thông) ở Km11, thị xã Q đi cùng xe. D không nói cho H2 biết về số hàng hóa trên. Sau khi đón H2, D để anh H2 điều khiển xe còn D ngồi ghế phụ bên cạnh, D dự định sau khi giao hàng xong ở khu vực U xong thì cả hai sẽ về C để tham gia họp lớp.

Khoảng 15 giờ ngày 26/5/2018, khi D và H2 đi đến khu vực tượng đài Bác Hồ, thuộc phường Tr, thành phố U, thì bị Công an thành phố Uông Bí kiểm tra xe phát hiện tại thùng xe phía sau có 120 cây thuốc lá điều nhãn hiệu Esse special gold, 05 cây thuốc lá điều nhãn mác 555 Original, 35 cây thuốc lá điều nhãn mác 555 Gold, 05 cây thuốc lá điều nhãn mác Esse lights, 05 cây thuốc lá điều nhãn mác Esse Classic, 05 cây thuốc lá điều nhãn mác Canyon, 05 cây thuốc lá điều nhãn mác Zhenlong- màu xanh, 02 cây thuốc lá điều nhãn mác Zhenlong- màu đỏ; 02 cây thuốc lá điều nhãn mác chữ nước ngoài- màu trắng. Tổng số gồm 184 cây thuốc lá các loại (mỗi cây có 10 bao thuốc lá điều) bằng 1.840 bao thuốc lá (tất cả đều in chữ nước ngoài, không có chữ viết hay phụ đề bằng chữ Việt Nam. Ngoài ra, còn có 10 thùng rượu, bên ngoài các thùng in chữ nước ngoài, bên trong mỗi thùng đều chứa 12 chai rượu - tổng số 120 chai rượu, trên các chai đều in nhãn mác Black special. Công an đã tiến hành lập biên bản tạm giữ số thuốc lá và số rượu.

Tại bản Kết luận giám định số 2863/C54 (P4) ngày 29/5/2018, của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát Bộ Công an kết luận: 120 cây thuốc lá điều nhãn hiệu Esse special gold; 05 cây thuốc lá điều nhãn mác 555 Original; 35 cây thuốc lá điều nhãn mác 555 Gold; 05 cây thuốc lá điều nhãn mác Esse lights; 05 cây thuốc lá điều nhãn mác Esse Classic; 05 cây thuốc lá điều nhãn mác Canyon; 05 cây thuốc lá điều nhãn mác Zhenlong- màu xanh; 05 cây thuốc lá điều nhãn mác Zhenlong- màu đỏ; 02 cây thuốc lá điều nhãn mác chữ nước ngoài- màu trắng và 120 chai rượu Black Spencial blended Whisky đều là do nước ngoài sản xuất, không có tem nhập khẩu và phụ đề chữ Việt Nam.

Theo Thông tư 124/2007/TT-BTC ngày 26/10/2007, của Bộ Tài chính quy định: Thuốc lá điều nhập khẩu vào Việt Nam phải có “tem thuốc lá điều nhập khẩu” do Bộ Tài chính nước CHXHCN Việt Nam phát hành và dán trên từng và theo Thông tư

06/1998/TT-BTM ngày 26/3/1998 của Bộ Thương mại: Rượu nhập khẩu vào Việt Nam phải có tem rượu nhập khẩu dán trên từng chai rượu.

Tại Kết luận định giá tài sản số 49, ngày 30/5/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố Uông Bí thể hiện: 120 chai rượu Black Spencial blended Whisky 700ml 40% có giá 6.000.000đ.

Đối với hành vi buôn bán rượu ngoại của Nguyễn Thị Kim D chưa đến mức xử lý hình sự, Công an thành phố Uông Bí đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 14 ngày 28 tháng 6 năm 2018, xử phạt bị cáo 2.000.000^d (hai triệu đồng).

Đối với anh Nguyễn Hữu H2 là người điều khiển xe ô tô cho D, nhưng không biết D vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu, nên không đề cập xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 126/CT – VKSUB ngày 03/8/2018, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim D về tội “*Buôn bán hàng cấm*”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi buôn bán hàng cấm như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu và thừa nhận bị truy tố đúng người, đúng tội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1 có ý kiến đối với tài sản của chị bị cơ quan điều tra thu giữ, chị đã được nhận lại và không có yêu cầu gì.

Người làm chứng anh Nguyễn Hữu H2, người chứng kiến anh Nguyễn Thanh S1, vắng mặt tại phiên tòa, tại cơ quan điều tra có lời khai thể hiện trong hồ sơ phù hợp với lời khai của bị cáo (bút lục 114 - 145).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65- Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Kim D từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 190 – Bộ luật Hình sự, đề nghị phạt bổ sung bị cáo từ 20.000.000^d (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000^d (ba mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết nên không đề cập.

Về số tiền đặt đảm bảo: Số tiền 150.000.000^d (một trăm năm mươi triệu đồng), đặt đảm bảo cho việc thay đổi biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo, khi bị cáo thực hiện xong nghĩa vụ như đã cam kết, đề nghị căn cứ quy định của pháp luật về xử lý tiền đặt đảm bảo để trả lại số tiền này cho chủ sở hữu hợp pháp.

Bị cáo không tranh luận, tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với biên bản kiểm tra hành chính, biên bản kiểm tra phương tiện, vật chứng thu giữ của vụ án, kết luận giám định, bản kết luận định giá tài sản cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, phương tiện vận chuyển, loại hàng hóa nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ, ngày 26/5/2018 tại khu 3, phường Tr, thành phố U, Nguyễn Thị Kim D đang có hành vi vận chuyển 1.840 bao thuốc lá điều nhập lậu không có thủ tục giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ là hàng cấm, trên xe ô tô biển kiểm soát 14C-185.02 từ thành phố Cẩm Phả lên thành phố Uông Bí với mục đích để bán cho các đại lý để thu lợi thì bị Công an thành phố Uông Bí kiểm tra, phát hiện và thu giữ toàn bộ vật chứng nêu trên.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Buôn bán hàng cấm*”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố về tội danh và hình phạt đối với bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội có căn cứ pháp luật.

Bị cáo nhận thức được buôn bán hàng cấm là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích thu lợi nên bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo làm ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định của kinh tế - xã hội. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nhất định để bị cáo lấy đó làm bài học cho bản thân cũng như để tăng cường biện pháp phòng ngừa chung.

[3] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại nơi cư trú bị cáo luôn chấp hành tốt các chính sách pháp luật của Nhà nước (có

giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân phường C); bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng bị cáo là công nhân Công ty cổ phần than cục 6 - Cẩm Phả, bị tai nạn lao động nên đã nghỉ việc theo chế độ và bị cáo đang là lao động chính trong gia đình; bố đẻ của bị cáo là ông Nguyễn Quang S được Bộ công an tặng thưởng Huy chương “Bảo vệ an ninh tổ quốc”; bà Đặng Thị V là mẹ đẻ của bị cáo được Nhà nước tặng thưởng “Huân chương kháng chiến hạng Ba”; bà Nguyễn Thị Ng là mẹ chồng của bị cáo được tặng thưởng “Huy chương kháng chiến hạng Nhất”. Vì vậy, bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo”. Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và xét các điều kiện: bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên có thể xem xét, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo, tự cải tạo, có sự giám sát của chính quyền địa phương tại nơi bị cáo cư trú cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 190 của Bộ luật Hình sự, người phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*” còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000^d (*hai mươi triệu đồng*) đến 100.000.000^d (*một trăm triệu đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thực hiện hành vi mua bán có thu lợi nên phạt bị cáo 20.000.00^d (*hai mươi triệu đồng*) sung vào công quỹ.

[5] Về vật chứng và xử lý vật chứng: Tại cơ quan điều tra đã được xử lý xong: vật chứng là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp; vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo thuộc loại hàng hóa Nhà nước cấm lưu hành đã tịch thu, tiêu hủy và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi liên quan không có ý kiến gì nên không đề cập giải quyết.

[6] Về tiền đặt đảm bảo: Đối với số tiền 150.000.000^d (*một trăm năm mươi triệu đồng*), anh Nguyễn Văn H3 (chồng của bị cáo) đặt đảm bảo để thay đổi biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo, sẽ được Hội đồng xét xử ra quyết định xử lý riêng theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2013/ TTLT-BTP-BCA- BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 14/11/2013, nên tại bản án không đề cập giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo phải chịu 200.000^d (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 - Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Kim D** phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Kim D 12 (mười hai) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách **24 tháng (hai mươi bốn) tháng** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim D cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng: khoản 4 Điều 190 của Bộ luật Hình sự.

Phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim D 20.000.000^d (*hai mươi triệu đồng*) sung vào công quỹ Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23; Danh mục án phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim D phải nộp 200.000^d (*hai trăm nghìn đồng*) vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND-TP. Uông Bí;
- Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THA DS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Thúy

